

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Đức, ngày

tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 xã Hoàng Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước; số 117/NĐ-CP ngày 7/10/2013 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; số 91/2017/NĐ - CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài Chính và Bộ Nội Vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-TU ngày 23/3/2010 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc thực hiện chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của cơ quan Đảng theo Quy định 3115-QĐ/VPTW;

Căn cứ Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của UBND tỉnh phê duyệt chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc giao dự toán thu NSNN, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân xã khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 – 2026, kỳ họp thứ 04 ngày 28/12/2021 về việc quyết định dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ kết quả Hội nghị cán bộ, công chức ngày 13/01/2022;

Căn cứ tình hình thực hiện chi tiêu và sử dụng tài sản các năm 2019, 2020, 2021 tại đơn vị;

Theo đề nghị của công chức Tài chính-Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 xã Hoàng Đức

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công chức: Văn phòng Thống kê, Tài chính-Kế toán xã, các tổ chức, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2 QĐ(t/h);
- UBND huyện (b/c);
- Phòng TCKH, Kho bạc huyện;
- TVĐU, TT HĐND xã;
- CB, CC UBND xã;
- Các đoàn thể, ban ngành cấp xã;
- Các tổ chức xã hội, các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Bằng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HOÀNG ĐỨC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Chi tiêu nội bộ năm 2022 xã Hoàng Đức

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022
của UBND xã Hoàng Đức)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi áp dụng: Chi thường xuyên phục vụ hoạt động của Đảng, HĐND, UBND và các đoàn thể nhân dân, các hội thụ hưởng kinh phí từ ngân sách xã.
- Đối tượng áp dụng: các tổ chức cá nhân, thuộc Đảng, UBND, HĐND, các đoàn thể các hội của xã.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng theo các nguyên tắc quy định thực hiện theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính-Bộ Nội Vụ:

- Không được vượt quá chế độ chi hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định;
- Phải phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị;
- Phải bảo đảm cho cơ quan và cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Phải bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động;
- Mọi việc chi tiêu phải bảo đảm có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp;
- Phải được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong cơ quan;
- Phải có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn đơn vị bằng văn bản.

Chương II

CHI TIÊU HỘI NGHỊ CỦA UBND, MTTQ VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ CẤP XÃ

Điều 3. Chi đại hội

- Chi bù tiền ăn đại biểu: 100.000 đồng/người/ngày (Trong trường hợp nếu phải tổ chức nấu ăn tập trung, mức khoán nêu trên không đủ chi phí thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định mức chi nhưng tối đa không quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên)
- Chi tiền nước uống giữa giờ: 40.000 đồng/người/ngày 02 buổi
- Chi phí khác Đại hội: (Tài liệu, băng Zôn khẩu hiệu, Ma ket loa đài.
- Phục vụ: 20.000 đồng/ người/ buổi.

Điều 4. Chi hội nghị tổng kết năm, sơ kết tổng kết các chuyên đề.

Thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

1- Đối tượng là đại biểu mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.

2. Mức chi hội nghị:

- Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ NS Nhà nước là: 50.000 đồng/ngày/ trên người.
- Chi nước uống: 20.000 đồng/người/ngày(2 buổi).

Chương III

CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐẢNG

Điều 5. Chi hoạt động cơ quan Đảng

Thực hiện theo Quyết định số 1691/QĐ-TU ngày 23/3/2010 của Tỉnh uỷ Thanh Hóa hướng dẫn Quy định 3115-QĐ/VPTW;

1- Chế độ chi hội nghị: Chi hội nghị tổng kết hàng năm của Đảng uỷ xã, mức chi tiền ăn cho đại biểu: 50.000 đồng/ngày/người, khách mời: 100.000 đồng/ngày/ người.

2- Chi xây dựng báo cáo định kỳ hàng năm trình ban chấp hành, ban thường vụ:

a/ Chi XD chương trình làm việc hàng năm, toàn khoá, mức chi : 1.000.000 đồng/văn bản.

b/ Chi XD báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của BCH, BTV mức chi: 500.000 đồng/ báo cáo.

c/ Chi XD báo cáo tổng kết hàng năm của BCH, BTV mức chi : 500.000 đồng/báo cáo.

3- Chi cho các đoàn kiểm tra giám sát mức chi: 500.000 đồng/năm.

4- Quà lưu niệm: Cán bộ chuyên trách làm công tác đảng khi nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm, mức chi: 100.000 đồng/ người.

Chương IV

CHI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 6. Chi hoạt động của HĐND xã

Thực hiện theo Nghị quyết số 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Thanh Hóa và điều kiện ngân sách của địa phương.

1. Chế độ chi tiêu phục vụ kỳ họp HĐND

+ Tiền ăn cho đại biểu dự họp : 50.000đ/người/buổi

+ Chi bồi dưỡng đại biểu đọc tài liệu : 50.000đ/người/buổi

+ Chế độ bồi dưỡng cho chủ tọa: 100.000đ/người/buổi

+ Chế độ bồi dưỡng cho thư ký : 80.00đ/người/buổi

+ Chế độ đối với nhân viên phục vụ:

Nhân viên phục vụ trực tiếp kỳ họp :

Tiền ăn : 50.000đ/người/ngày

Nhân viên phục vụ gián tiếp : 30.000đ/người/ngày

+ Tiền nước uống: 20.000đ/người/ngày

+ Chi thăm tra dự thảo Nghị Quyết kỳ họp, thăm tra các tờ trình giữa kỳ

họp:

Chủ trì : 50.000đ/người/buổi

Các thành viên giúp việc : 25.000 đ/người/buổi

+ Tổng hợp ý kiến cử tri để gửi báo cáo đến các cơ quan có thẩm quyền: 300.000đ/báo cáo

+ Chi thông báo kỳ họp: 200.000đ/thông báo

+ Chi khác : phô tô, in ấn tài liệu, ma kết, loa đài, băng zôn, hoa tươi, tùy vào số lượng cụ thể để thanh toán.

2. Chế độ chi công tác khảo sát, giám sát.

a/ Chi bồi dưỡng trưởng đoàn: 80.000đ/người/buổi

b/ Chi bồi dưỡng thành viên đoàn tham gia : 50.000/người/buổi

c/ Chi XD kế hoạch khảo sát, giám sát : 300.000đ/cuộc

d/ Chi XD đề cương gửi các đơn vị khảo sát, giám sát : 150.000đ/cuộc

e/ Chi XD báo cáo kết quả: 300.000đ/cuộc

g/ Chi họp thông qua kết quả khảo sát, giám sát : chi như đi giám sát

3. Mức chi công tác thẩm tra, dự thảo Nghị Quyết kỳ họp, thẩm tra các tờ trình giữa 2 kỳ họp HĐND.

a/ Chi cho cuộc họp thẩm tra:

- Chủ trì : 50.000đ/người/buổi

- Thành viên HĐND, khách mời tham gia: 30.000 đồng/người/buổi.

b/ Chi xây dựng báo cáo thẩm tra: 300.000 đồng/ báo cáo.

c/ Chi hoàn thiện Nghị Quyết: 300.000 đồng/ nghị quyết.

4. Chi tiếp xúc cử tri:

a/ Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri: 500.000 đồng/điểm tiếp xúc.

b/ Chi bồi dưỡng tham gia tiếp xúc cử tri:

- Đại biểu HĐND xã được bầu tại các đơn vị bầu cử: 200.000đồng/đại biểu/năm

- Cán bộ công chức phục vụ trực tiếp: 50.000 đồng/người/ buổi.

- Phục vụ gián tiếp: 30.000 đồng/ người/ buổi.

- Chi công tác tổng hợp báo cáo tiếp xúc cử tri để gửi các cơ quan có thẩm quyền: 150.000 đồng/ báo cáo.

5. Chi thăm hỏi ốm đau, phúng viếng đối với đại biểu HĐND xã, đại biểu HĐND xã có cha mẹ đẻ, (cha mẹ vợ, chồng), chồng (vợ), con

a/ Chi thăm hỏi ốm đau đối với đại biểu HĐND xã mức chi: 500.000đồng/người/lần (một năm không quá 01 lần) đối với trường hợp nằm viện từ tuyến huyện trở lên. Bị bệnh hiểm nghèo mức chi: 1.000.000 đồng/người (Một năm không quá 01 lần)

b/ Chi phúng viếng đối với đại biểu HĐND xã, đại biểu HĐND xã có cha, mẹ đẻ (cha, mẹ vợ, chồng), chồng (vợ), con từ trần mức chi phúng viếng: 500.000 đồng/người

6. Chi hỗ trợ may trang phục

- Đại biểu HĐND xã: 2.500.000đ/người/nhiệm kỳ

- Công chức phục vụ: 1.250.000đ/người/nhiệm kỳ

Chương V

CHI CÔNG TÁC PHÍ

Thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa số 64/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về

quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa .

Điều 7. Khoản công tác phí khi đi công tác trong huyện

Mức khoán hàng tháng đối với cán bộ chuyên trách và công chức xã được cử đi công tác thường xuyên: 300.000 đồng/người/tháng.

Điều 8. Khoản công tác phí đi công tác ngoài huyện

Cán bộ công chức được cơ quan, đơn vị cử đi công tác có công lệnh và giấy đi đường có xác nhận của nơi đến công tác được thanh toán:

+ Phụ cấp lưu trú (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác) mức phụ cấp: 180.000 đồng/ngày/người. Trường hợp đi công tác trong ngày thì phụ cấp lưu trú là: 100.000đ/ngày/người

Chương VI

CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Điều 9. Đối tượng xã hợp đồng lao động.

Là những người không thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND Tỉnh Thanh Hoá như: bảo vệ các trường, Trạm y tế, Công sở UBND xã, Bưu tá xã và các công việc khác theo yêu cầu thực tế của địa phương.

Điều 10. Mức tiền công UBND xã chi trả cho từng đối tượng hợp đồng lao động.

1. Bảo vệ công sở UBND xã : 1.500.000 đ/tháng/1 người
2. Phục vụ công sở: 1.500.000 đ/tháng
3. Bưu tá xã : 2.600.000 đ/tháng/2 người
4. Bảo vệ Trường THCS& Tiểu học : 1.300.000 đ/tháng/trường
5. Bảo vệ trường Mầm non: 850.000 đ/tháng/trường
6. Các đối tượng hợp đồng khác thì tùy theo tính chất và mức độ của từng công việc.

Chương VII

CHI HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

Điều 11. Mức hỗ trợ cho đối tượng là cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn trong việc tập huấn chuyên môn nghiệp vụ:

Mức hỗ trợ = 70.000 đồng/người/ngày

Chương VIII

CHI VĂN PHÒNG PHẨM, CHÈ NƯỚC UỐNG, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN SÁNG, CÔNG TÁC TIẾP DÂN XỬ LÝ ĐƠN, THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, KIẾN NGHỊ

Điều 12. Khoản chi phí văn phòng phẩm, chè nước uống làm việc hàng tháng, điện thoại, điện sáng cho các bộ phận, Đảng uỷ, HHĐND, UBND và các ngành đoàn thể chính trị.

Căn cứ vào mức kinh phí thực hiện của năm trước liền kề và khả năng ngân sách để xây dựng mức khoán kinh phí văn phòng phẩm (bút, giấy, sổ, bìa tài liệu...) và các khoản khác cho phù hợp:

1. Mức khoán văn phòng phẩm:

- Đảng Uỷ: 500.000 đồng/ tháng.

- Hội đồng nhân dân : 300.000 đồng/ tháng.
- Các đoàn thể chính trị : 70.000 đồng/ tháng/đoàn thể.
- VP UBND: 800.000 đồng/tháng
- Bộ phận một cửa: 200.000 đồng/tháng
- Địa chính-XD: 200.000 đồng/tháng
- Tư pháp – HT: 500.000 đồng/tháng (Bao gồm cả biểu mẫu hộ tịch bản chính)

- Kế toán Tài chính: 700.000 đồng/tháng
- CSXH-VH: 300.000 đồng/tháng
- An ninh TT: 100.000 đồng/tháng
- Quân sự : 70.000 đồng/tháng

* Riêng đồ mực, sửa chữa máy in, máy pho to thanh toán thực tế từng lần đồ mực theo hóa đơn. Giao cho văn phòng theo dõi để thanh toán.

2. Mức khoán chè nước uống làm việc :

- Đảng uỷ: 200.000 đồng/ tháng.
- Hội đồng nhân dân : 100.000 đồng/ tháng .
- Các đoàn thể chính trị : 50.0000 đồng/ tháng/đoàn thể.
- VP UBND: 500.000 đồng/tháng (Bao gồm cả giao ban và các cuộc họp của UBND)

- Địa chính-XD : 50.000 đồng/tháng
- Kế toán Tài chính: 50.000 đồng/tháng
- Tư pháp hộ tịch: 50.000 đồng/tháng
- CSXH-VH: 50.000 đồng/tháng
- An ninh TT: 100.000 đồng/tháng
- Quân sự : 50.000 đồng/tháng.

3. Về sử dụng điện thoại tại công sở:

- Thanh toán hàng tháng theo thực tế hóa đơn.

4. Về sử dụng điện trong cơ quan:

- Quy định về tiết kiệm điện: cán bộ, công chức ra khỏi phòng làm việc phải tắt hết bóng điện, quạt, máy vi tính, máy in, máy phô tô trong phòng.

Điều 13. Chi công tác tiếp dân xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiên nghị.

Thực hiện theo QĐ số 1823/QĐ-UBND ngày 14/06/2012 của UBND tỉnh.

* Đối tượng áp dụng: Chủ tịch UBND xã, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao (bằng Quyết định) xử lý vụ việc khiếu nại, tố cáo, phải thực hiện tiếp công dân tham mưu biện pháp giải quyết.

* Mức chi:

a/ Xử lý đơn thư tại trụ sở hoặc địa điểm tiếp dân:

- Lãnh đạo UBND xã: mỗi ngày 50.000 đồng tối đa không quá 58 ngày/năm.

- Các thành viên tham gia tiếp dân định kỳ tại UBND xã: 50.000 đồng/ngày, tối đa không quá 96 ngày/năm.

b/ Xử lý đơn: Chủ tịch UBND xã được chi 50.000 đồng/ngày tối đa không quá 52 ngày/ năm.

Chương IX **MUA SẮM TÀI SẢN**

Điều 14. Đối tượng được mua sắm tài sản: các bộ phận, các ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị.

Điều 15. Mua sắm tài sản: căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị mà có kế hoạch mua sắm và được phân bổ theo dự toán chi đầu năm.

Điều 16. Quản lý và sử dụng tài sản mua sắm: theo Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công có hiệu quả, tiết kiệm.

Chương IX

CHI THĂM HỎI ỐM ĐAU, TRỢ CẤP KHÓ KHĂN

Điều 17. Đối tượng được hưởng thăm hỏi ốm đau.

- Đối tượng là cán bộ công chức thuộc Đảng ủy, HĐND, UBND, các đoàn thể xã.

Điều 18. Mức được hưởng của từng đối tượng.

1. Cán bộ, công chức xã, thân nhân là Chồng (vợ), con nằm viện từ tuyến huyện trở lên mức thăm hỏi tiền mặt = 300.000đồng/người, (một năm không quá 01 lần). Bị bệnh hiểm nghèo: 500.000đồng/người (Một năm không quá 01 lần)

2. Cán bộ, công chức xã, cán bộ không chuyên trách, thân nhân là bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng(vợ) là chồng(vợ) qua đời mức phúng viếng: câu đối (hoặc vòng hoa) và tiền mặt tổng trị giá = 500.000 đồng/trường hợp

Điều 19. Trợ cấp khó khăn cho cán bộ không chuyên trách, đối tượng chính sách, người già cả cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật.

Mức trợ cấp khó khăn cho từng loại đối tượng:

- Gia đình đặc biệt khó khăn: 300.000 đồng/năm.

- Gia đình khó khăn : 200.000 đồng/năm.

(Hỗ trợ trợ cấp khó khăn cho các đối tượng chính sách tối đa một năm không quá 02 lần).

Chương X

KHEN THƯỞNG

Điều 20. Khen thưởng cho phong trào hoạt động trong năm.

1. Đảng: thực hiện theo quy định số 23-QĐ/TW ngày 31/10/2006 của Bộ chính trị về việc thi hành điều lệ Đảng

a. Tặng giấy khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu trong năm và chi bộ có thành tích xuất sắc khen thưởng là 0.6 mức lương tối thiểu

b. Tặng giấy khen đảng viên “Đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm và đảng viên có thành tích đặc biệt xuất sắc khen thưởng 0,3 mức lương tối thiểu chung.

2. HĐND, UBND, các ban ngành đoàn thể: căn cứ vào Mục 2 - Luật Thi đua, Khen thưởng .

a. Đối với cá nhân được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã kèm theo mức tiền thưởng 150.000đ/cá nhân.

b. Đối với tập thể được tặng giấy khen kèm theo mức tiền thưởng 200.000đ/tập thể

Điều 21. Khen thưởng cho phong trào được phát động thực hiện các nhiệm vụ chính trị do cấp trên và UBND xã phát động.

1. Về tập thể: tối đa 500.000 đồng; tối thiểu 200.000 đồng

2. Về cá nhân: tối đa 300.000 đồng; tối thiểu 100.000 đồng.

Chương XI

TRẢ THU NHẬP TẶNG THÊM

Điều 22. Chi trả thu nhập tặng thêm cho cán bộ, công chức.

Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan có số chi thường xuyên thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm.

Số kinh phí tiết kiệm này được sử dụng để chi trả thu nhập tặng thêm cho cán bộ, công chức với Quỹ tiền lương được phép trả tặng thêm tối đa của cả cơ quan không quá 1 lần so với Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ của đơn vị do Nhà nước quy định hoặc chi quà tết cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn. Sau khi xác lập Quỹ tiền lương được phép trả tặng thêm (quà tết) nếu vẫn còn dư được sử dụng để chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể.

Phương thức trả thu nhập tặng thêm như sau:

Sau khi xác định được Quỹ tiền lương được phép trả tặng thêm, Chủ tịch UBND xã quyết định mức chi trả cụ thể sau khi thống nhất ý kiến với tổ chức công đoàn theo nguyên tắc :

- Mức chi trả thu nhập tặng thêm được trả trực tiếp cho từng cán bộ, công chức.

- Trả thu nhập tặng thêm dựa trên hiệu suất công tác của từng cán bộ, công chức theo kết quả xếp loại công chức cuối năm.

- Đối tượng và mức chi quà tết như sau:

* Đối tượng: là cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, lãnh đạo các thời kỳ, CB hưu xã, Lão thành CM, Mẹ việt nam anh hùng, đảng viên 60 năm tuổi đảng trở lên.

* Mức chi cụ thể như sau:

+ Lãnh đạo chủ chốt: 1.000.000 đồng/người

+ Cán bộ, công chức, trưởng các đoàn thể: 500.000 đồng/người

+ Lãnh đạo UBND xã qua các thời kỳ, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn: 300.000 đồng/ người

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách, đại biểu HĐND xã, các ngành đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn xã có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy chế này.

Điều 24. Quy chế chi tiêu nội bộ này được thực hiện từ ngày 01/01/2022./.